

Số: /TM-BVSN

Phú Yên, ngày tháng 12 năm 2024

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

### Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 01-HC/2025: Mua sắm hoá chất sử dụng cho máy xét nghiệm năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

#### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi Phú Yên
- Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Nguyễn Thị Thanh Bình

Chức vụ: Nhân viên phòng VTTBYT

Điện thoại: 0905.923.839

Địa chỉ email: [thanhbinh.911985@gmail.com](mailto:thanhbinh.911985@gmail.com)

#### 3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng VTTBYT - Bệnh viện Sản Nhi Phú Yên  
Địa chỉ: 270 Trần Hưng Đạo, Phường 6, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- Nhận qua email: [pvattu.bvsn@gmail.com](mailto:pvattu.bvsn@gmail.com)

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 09 tháng 12 năm 2024 đến trước 17 giờ ngày 19 tháng 12 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét

5. Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2024

#### II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục hóa chất. (Theo Phụ lục 1 đính kèm)
- Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản hóa chất:
  - + Địa điểm cung cấp: kho VT-TBYT Bệnh viện Sản Nhi Phú Yên
  - + Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến kho VT-TBYT thuộc Bệnh viện Sản Nhi Phú Yên
- Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 12 tháng (dự kiến từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025)
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
  - Tạm ứng: Không áp dụng

- Phương thức thanh toán:

+ Hình thức thanh toán: chuyển khoản 100%

+ Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND).

+ Thời hạn thanh toán: không quá 90 ngày kể từ ngày cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ

5. Thông tin khác: đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam cung cấp đầy đủ thông tin (*Theo Phụ lục 2 đính kèm*)

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- BGĐ (*để biết*);

- Web BV, Web SYT, Web Bộ Y tế;

- <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>

- Lưu P.VT-TBYT, VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Như Ý**

**DANH MỤC HÓA CHẤT**

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số /TM-BVSN ngày tháng 12 năm 2024 của Bệnh viện Sản Nhi Phú Yên)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	<b>Hóa chất máy sinh hoá AU480</b>			
1.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose	Thành phần tối thiểu: ATP, Hexokinase, G6P-DH. Số lượng test tối thiểu/1 mL $\geq 13$ test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	1.280
2.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ure	Thành phần tối thiểu: NADH ; 2-Oxoglutarate; Urease; GLDH Số lượng test tối thiểu/1 mL $\geq 9$ test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	1.060
3.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine	Thành phần: Natri hidroxit ; Axit picric.Số lượng test tối thiểu/1 mL $\geq 4$ test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	1.632
4.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST	Thành phần tối thiểu: L- aspartate; 2-Oxoglutarate; LDH; MDH; NADH Số lượng test tối thiểu/1 mL $\geq 10$ test AST Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480 của bệnh viện Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	550
5.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT	Thành phần tối thiểu: L- Alanine; 2-Oxoglutarate; LDH; NADH Số lượng test tối thiểu/1 mL $\geq 6$ test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	825

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
6.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần	Thành phần tối thiểu: Caffeine; 3,5-dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate. Số lượng test tối thiểu/1 mL $\geq$ 16 test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	160
7.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp	Thành phần tối thiểu: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate. Số lượng test tối thiểu/1 mL $\geq$ 16 test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	120
8.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng acid uric	Thành phần tối thiểu: MADB, Aminophenazone; Peroxidase; Uricase; Ascorbate Oxidase. Số lượng test tối thiểu/1 mL $\geq$ 14 test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	360
9.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng sắt	Thành phần tối thiểu: Glycine buffer; L-ascorbic, acid Tri(2-pyridyl)-5-triazine. Số lượng test tối thiểu/1 mL $\geq$ 10 test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	180
10.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ferritin	Thành phần tối thiểu: Glycine buffer ; Tiểu phân Latex phủ kháng thể thổ kháng ferritin người. Số lượng test tối thiểu/1 mL $\geq$ 5 test Ferritin tương thích với máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480 của bệnh viện. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	216
11.	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein	Thành phần tối thiểu: Huyết thanh người chứa Immunoglobulin G, Immunoglobulin A, Immunoglobulin M, Transferrin, C3, C4, Anti-Streptolysin O, Ferritin; Chất hiệu chuẩn 6 mức; Hộp gồm 6 lọ với 6 mức hiệu chuẩn;	Hộp	4

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.		
12.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng $\alpha$ -amylase	Thành phần tối thiểu: Calcium acetate; Potassium thiocyanate ; CNPG. Số lượng test tối thiểu/1 mL $\geq 5$ test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	240
13.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng albumin	Thành phần: Succinate buffer ; Bromocresol green . Số lượng test tối thiểu/1 mL $\geq 21$ test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	87
14.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDH	Thành phần tối thiểu: là D(-)N- Methylglucamin buffer, Lactate; NAD. Số lượng test tối thiểu/1 mL $\geq 8$ test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	360
15.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP	Thành phần tối thiểu: Glycine buffer ; Latex, phủ kháng thể kháng CRP.Số lượng test tối thiểu/ 1mL $\geq 3$ test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. CRP Latex Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	1.560
16.	Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường	Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP Latex; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người; Các giá trị được gán theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục. Bộ gồm 5 lọ là chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	3
17.	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy	Thành phần tối thiểu: Huyết thanh người, các enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. System calibrator Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	105
18.	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Thành phần tối thiểu: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực	ml	130

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>vật.</p> <p>Control serum 1 Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>		
19.	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	<p>Thành phần tối thiểu: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật.</p> <p>Control serum 2 Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	130
20.	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	<p>Thành phần tối thiểu: Vật liệu đối chứng dạng lỏng, dựa trên huyết thanh người, có chứa số lượng đã điều chỉnh của các chất phân tích sau ở các nồng độ trong phạm vi tham chiếu:</p> <p>Ferritin; Immunoglobulin A; Immunoglobulin M; Immunoglobulin G</p> <p>Vật liệu này cũng thích hợp để kiểm tra chất lượng nội bộ của phương pháp CRP Latex.</p> <p>ITA control serum 1 Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	10
21.	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	<p>Thành phần tối thiểu: Vật liệu đối chứng dạng lỏng, dựa trên huyết thanh người, có chứa số lượng đã điều chỉnh của các chất phân tích sau ở các nồng độ trong phạm vi tham chiếu:</p> <p>Ferritin; Immunoglobulin A; Immunoglobulin M; Immunoglobulin G</p> <p>Vật liệu này cũng thích hợp để kiểm tra chất lượng nội bộ của phương pháp CRP Latex.</p> <p>ITA control serum 2 Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	ml	10

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
22.	Hoá chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Thành phần tối thiểu: Vật liệu đối chứng dạng lỏng, dựa trên huyết thanh người, có chứa số lượng đã điều chỉnh của các chất phân tích sau ở các nồng độ trong phạm vi tham chiếu: Ferritin; Immunoglobulin A; Immunoglobulin M; Immunoglobulin G Vật liệu này cũng thích hợp để kiểm tra chất lượng nội bộ của phương pháp CRP Latex. ITA control serum 3 Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	10
23.	Chất hiệu chuẩn mức cao sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp)	Thành phần tối thiểu: Na+; K+; Cl-. high serum standard Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	200
24.	Chất hiệu chuẩn mức thấp được sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp)	Thành phần tối thiểu: Na+; K+; Cl-. low serum standard Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	200
25.	Hoá chất điện giải cho điện cực tham chiếu sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp)	Thành phần tối thiểu: Kali clorua. reference Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	2
26.	Dung dịch đệm sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp)	Thành phần tối thiểu: Triethanolamine buffer Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Lít	28
27.	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Thành phần tối thiểu: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide; Genapol X080; Sulfonic acids, C14-17- sec-alkane, muối natri. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	50

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
28.	Hoá chất chuẩn điện giải mức giữa.	Thành phần tối thiểu: Na <sup>+</sup> ; K <sup>+</sup> ; Cl <sup>-</sup> mid standard Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	36
29.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Calci toàn phần	Thành phần tối thiểu : Imidazol ; Arsenazo III ; Triton X-100 Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 11 test. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	116
30.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Magnesium	Thành phần: ε-Amino-n Caproic Acid ; Tris ; Glycoletherdiamine-N,N,N', N' tetraacetic acid ; Xylidyl blue Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 6 test Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	160
31.	Hoá chất định lượng Protein toàn phần	Thành phần tối thiểu: Sodium hydroxide; Potassium sodium tartrate; Copper sulphate; Potassium iodide. Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 10 test	ml	200
	<b>Hoá chất máy khí máu bán tự động Opti CCA-TS2</b>			
32.	Bình khí chuẩn dùng cho máy xét nghiệm khí máu (Calibration Gas)	Sử dụng được cho máy OPTI CCA -TS2 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bình	18
33.	Check-Level 1,2,3	Sử dụng được cho máy OPTI CCA -TS2. 1 bộ gồm 1 lọ level 1, 1 lọ level 2, 1 lọ level 3. Mỗi lọ có thể tích ≥ 1,7 ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	60
34.	Hoá chất định lượng pH, pCO <sub>2</sub> , pO <sub>2</sub> , tHb, sO <sub>2</sub> , Na <sup>+</sup> , K <sup>+</sup> , Ca <sup>++</sup> trong máu, serum, plasma và mẫu chất lỏng (Cassette ECa)	Sử dụng được cho máy OPTI CCA -TS2 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Test	900
35.	Hoá chất kiểm tra chất lượng và hiệu chuẩn Hb trên máy xét nghiệm khí máu (Cassette, Hb calibration)	Sử dụng được cho máy OPTI CCA -TS2 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
36.	Dây bơm	Sử dụng được cho máy OPTI CCA -TS2 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1
	<b>Hóa chất máy miễn dịch</b>			
37.	Thuốc thử dùng để định lượng HCG	Loại mẫu xét nghiệm: huyết thanh hoặc nước tiểu. Phạm vi phân tích: tối đa 5000 mIU/mL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp $\geq$ 100 xét nghiệm Sử dụng được cho máy miễn dịch tự động Immulite 1000	Hộp	14
38.	Thuốc thử dùng để định lượng Free Beta HCG	Loại mẫu xét nghiệm: Huyết thanh. Phạm vi phân tích: 2 đến 200 ng/mL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp $\geq$ 100 xét nghiệm Sử dụng được cho máy miễn dịch tự động Immulite 1000	Hộp	3
39.	Thuốc thử dùng để định lượng PAPP-A	Loại mẫu xét nghiệm: huyết thanh hoặc huyết tương. Phạm vi phân tích: Lên đến 0,1 đến 10 mIU/mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp $\geq$ 100 xét nghiệm Sử dụng được cho máy miễn dịch tự động Immulite 1000	Hộp	3
40.	Dung dịch làm sạch đầu dò	Để sử dụng trong bảo trì hàng ngày hệ thống - nhằm giảm thiểu nhiễm bẩn chéo thuốc thử bằng cách giảm tích tụ protein và lipid trong đầu dò. Thành phần: Dung dịch Natri Hypoclorit. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chai $\geq$ 100 ml Sử dụng được cho máy miễn dịch tự động Immulite 1000	Chai	5
41.	Dung dịch rửa kim hút	Sử dụng trong vận hành thường quy nhằm giảm thiểu nhiễm chéo thuốc thử bằng cách giảm tích tụ protein và lipid ở kim hút. Thành phần: Dung dịch đệm phosphat, chất tẩy rửa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chai $\geq$ 100 ml Sử dụng được cho máy miễn dịch tự động Immulite 1000	Chai	14

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
42.	Cơ chất phát quang	Thành phần: phosphate ester của adamantyl dioxetane trong dung dịch đệm có chất tăng cường. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chai $\geq 105$ ml. Sử dụng được cho máy miễn dịch tự động Immulite 1000	Chai	10
43.	Thuốc thử dùng pha loãng mẫu HCG	Chất pha loãng mẫu chứa ma trận huyết thanh người không chứa HCG. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Lọ $\geq 7$ ml. Sử dụng được cho máy miễn dịch tự động Immulite 1000	Lọ	28
44.	Cốc đựng mẫu	Chất liệu: nhựa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy miễn dịch tự động Immulite 1000	Cái	2.000
	<b>Hoá chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm sàng lọc trước sinh</b>			
45.	Hoá chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm sàng lọc trước sinh mức 1	Thành phần: 100% huyết thanh người; Đáp ứng thông số Free Beta hCG, hCG, PAPP-A, AFP, Inhibin A. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy miễn dịch tự động Immulite 1000	Lọ	9
46.	Hoá chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm sàng lọc trước sinh mức 2	Thành phần: 100% huyết thanh người; Đáp ứng thông số Free Beta hCG, hCG, PAPP-A, AFP, Inhibin A. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy miễn dịch tự động Immulite 1000	Lọ	9
47.	Hoá chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm sàng lọc trước sinh mức 3	Thành phần: 100% huyết thanh người; Đáp ứng thông số Free Beta hCG, hCG, PAPP-A, AFP, Inhibin A. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy miễn dịch tự động Immulite 1000	Lọ	9
	<b>Hóa chất máy huyết học bán tự động Midray 3200</b>			
48.	Dung dịch phá hồng cầu (Lyse)	Hóa chất sử dụng được cho máy Mindray BC 3200. Đạt chuẩn ISO 13485	ml	12.000
49.	Dung dịch pha loãng (Diluent)	Hóa chất sử dụng được cho máy Mindray BC 3200. Đạt chuẩn ISO 13485	Lít	17.200

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
50.	Dung dịch rửa (Rinse)	Hóa chất sử dụng được cho máy Mindray BC 3200. Đạt chuẩn ISO 13485	Lít	4.400
	<b>Hóa chất máy huyết học bán tự động Celltas Alpha</b>			
51.	Dung dịch pha loãng (Isotonac 3)	Dung dịch pha loãng Sử dụng được cho máy huyết học Celltas Alpha. Đạt chuẩn ISO 13485, CE	Lít	1.200
52.	Dung dịch rửa định kỳ (Cleanac 3)	Dung dịch rửa định kỳ Sử dụng được cho máy huyết học Celltas Alpha. Đạt chuẩn ISO 13485, CE	Lít	30
53.	Dung dịch rửa (Cleanac)	Dung dịch rửa dùng Sử dụng được cho máy huyết học Celltas Alpha. Đạt chuẩn ISO 13485, CE	Lít	80
54.	Dung dịch ly giải hồng cầu (Hemolynac)	Dung dịch ly giải hồng cầu Sử dụng được cho máy huyết học Celltas Alpha. Đạt chuẩn ISO 13485, CE	ml	20.000
	<b>Hóa chất máy đông máu bán tự động Star-Max</b>			
55.	Hoá chất xét nghiệm thời gian PT	1 bộ gồm có 2 lọ: Thuốc thử 1: Thromboplastin làm lạnh khô tinh chế từ mô não thỏ tươi, chứa chất ức chế heparin đặc hiệu. Lọ $\geq$ 5 ml. Thuốc thử 2: Dung dịch hòa tan, có chứa Calci. Lọ $\geq$ 5 ml. Sử dụng được cho máy đông máu Start Max. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	270
56.	Hóa chất xét nghiệm thời gian hoạt hoá thromboplastin từng phần (APTT)	Hóa chất dùng để xác định thời gian Kaolin thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương trên máy đông máu bán tự động, dạng đông khô. Bộ gồm 1 lọ thuốc đông khô $\geq$ 5ml + 1 lọ dung dịch đệm $\geq$ 5ml Sử dụng được cho máy đông máu Start Max. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	126
57.	Bộ thuốc thử định lượng Fibrinogen	Hóa chất chứa thrombin người đã citrat hóa có chứa canxi (khoảng 100 NIH units/ml) và có chứa một chất ức	ml	132

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		chế đặc hiệu heparin inhibitor cho phép phân tích fibrinogen trong mẫu huyết tương có heparin. Sử dụng được cho máy đông máu Start Max. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		
58.	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm đông máu thường quy 2 mức	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm đông máu thường quy 2 mức cho hệ thống đông máu tự động. Các giá trị chứng của mỗi thông số có thể khác nhau giữa các lô thuốc thử, nhưng được chỉ định rõ ràng cho mỗi lô. Giá trị chứng gồm hai mức (bình thường và bệnh lý) cho các thông số: PT, Fibrinogen, APTT, TT. Bộ gồm: 1 Lọ N $\geq$ 1ml + 1 Lọ P $\geq$ 1ml Sử dụng được cho máy đông máu Start Max. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	24
59.	Dung dịch calibrator máy	Huyết tương người bình thường có citrated dạng đông khô; có nồng độ biết trước (theo từng lô sản xuất) các chỉ số cho các thông số xét nghiệm: PT (%), Fibrinogen, Factor II, V, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Protein C, Protein S, ATIII. Lọ $\geq$ 1ml Sử dụng được cho máy đông máu Start Max	Lọ	6
60.	Dung dịch pha loãng cho xét nghiệm đông máu (dung dịch đậm)	Dung dịch pha loãng cho xét nghiệm đông máu (dung dịch đậm) có pH khoảng 7,35. Sử dụng được cho máy đông máu Start Max. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	2.160
61.	Dung dịch Canxi Clorua	Dung dịch Canxi Clorua dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các phân tích các yếu tố con đường nội sinh. Sử dụng được cho máy đông máu Start Max. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	720
62.	Cồng đo dùng cho các xét nghiệm đông máu trên máy bán tự động	Sử dụng được cho máy đông máu Start Max. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2.400

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>
63.	Viên bi	Sử dụng được cho máy đông máu Start Max. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Viên	1.850
	<b>Tổng cộng: 63 khoản</b>			

**Mẫu báo giá****BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>**

Kính gửi: Bệnh viện Sản Nhi Phú Yên

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Sản Nhi Phú Yên, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hóa chất như sau:

## 1. Báo giá cho các hóa chất và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hóa chất <sup>(2)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model, tiêu chuẩn kỹ thuật <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)
1	Hóa chất A										
2	Hóa chất B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hóa chất)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

## 3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hóa chất nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hóa chất theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hóa chất” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, tiêu chuẩn kỹ thuật của hóa chất tương ứng với chủng loại hóa chất ghi tại cột “Danh mục hóa chất”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hóa chất.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ, hãng sản xuất của hóa chất.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hóa chất.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hóa chất hoặc toàn bộ hóa chất; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hóa chất hoặc toàn bộ hóa chất. Đối với các hóa chất nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và

*các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của hóa chất.*

*(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hóa chất. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hóa chất (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.*

*Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.*

*(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.*

*Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.*